

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2021/HS-PT
Ngày 05 - 02 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tông

Các Thẩm phán: Ông Trần Quốc Vũ

Bà Trương Thị Tuyền

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Hiếu, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:

Ông Trần Quốc Vượng - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 194/2020/TLPT-HS ngày 31 tháng 12 năm 2020 đối với bị cáo Lê Văn Ti và đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 85/2020/HS-ST ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Lê Văn Ti, sinh năm 1969, tại tỉnh Tây Ninh. Nơi cư trú: Ấp NBS, xã TL, huyện CT, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Làm mướn; trình độ văn hóa (học vấn): 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn O (chết) và bà Nguyễn Thị C; vợ là Đặng Thị Thúy A; con có 01 người;

Tiền án: Bản án số 164/HSST ngày 04/8/1999 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xử phạt 18 tháng tù về tội “Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài trái phép” (chưa nộp án phí và thu lợi bất chính sung quỹ nhà nước).

Tiền sự: Tại Quyết số 66/QĐ-XPHC ngày 15/6/2020 của Công an xã Thành Long, huyện Châu Thành xử phạt 1.750.000 đồng về hành vi “Đánh bạc” (đã nộp phạt ngày 15/6/2020).

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/6/2020, sau đó chuyển tạm giam cho đến nay. (có mặt)

2. Nguyễn Thiện Â (tên gọi khác: Móm), sinh năm 1995, tại tỉnh Tây Ninh. Nơi cư trú: Khu phố NP, phường NT, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Thợ cắt tóc; trình độ văn hóa (học vấn): 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: V Nam; con ông Nguyễn Minh C và bà Đặng Thị Ngọc A; vợ, con: Chưa có.

Tiền án: Bản án số 61/HSST ngày 11/12/2015 của Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành xử phạt 04 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Tiền sự: Ngày 25/9/2019 Công an phường Ninh Thạnh, thành phố Tây Ninh xử phạt 750.000 đồng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”.

Về nhân thân: Tại Bản án số 80/2012/HSST ngày 19-7-2012 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xử phạt 03 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, chấp hành xong ngày 07/7/2014, đã được xóa án tích.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/6/2020, chuyển tạm giam từ ngày 26/6/2020 cho đến 05/10/2020 được thay thế biện pháp ngăn chặn. Bị cáo tại ngoại. (có mặt)

3. Nguyễn Thanh T, sinh năm 1992, tại tỉnh Tây Ninh. Nơi cư trú: Ấp HP, xã HT, huyện CT, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa (học vấn): 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: V Nam; con ông Nguyễn Văn H và bà Quách Thị Ngọc L; vợ, con: Chưa có; tiền sự: Không.

Tiền án: Bản án số 14/2013/HSST ngày 10/12/2013 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xử phạt 07 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, chấp hành xong ngày 15/11/2018.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/6/2020, chuyển tạm giam từ ngày 26/6/2020 cho đến 29/9/2020 được thay thế biện pháp ngăn chặn. Bị cáo tại ngoại. (có mặt)

4. Nguyễn Văn C, sinh năm 1986, tại tỉnh Tây Ninh. Nơi cư trú: Ấp HP, xã HT, huyện CT, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa (học vấn): 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: V Nam; con ông Nguyễn Văn L và bà Phạm Thị N; có vợ: Nguyễn Kim H và 02 người con; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Bản án số 22/2004/HSST ngày 11/02/2004 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xử phạt 03 năm tù cho hưởng án treo về tội “Cố ý gây thương tích”.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/6/2020, chuyển tạm giam từ ngày 26/6/2020 cho đến 29/9/2020 được thay thế biện pháp ngăn chặn. Bị cáo tại ngoại. (có mặt)

5. Nguyễn Tiến D (tên gọi khác: Dũng Liều), sinh năm 1984, tại tỉnh Tây Ninh. Nơi cư trú: Khu phố A, thị trấn CT, huyện CT, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa (học vấn): 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa;

quốc tịch: V Nam; con ông Nguyễn Văn X (chết) và bà Nguyễn Thị V; vợ: Trần Kim N và 01 người con; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Bản án số 57/2006/HSST ngày 14/9/2006 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xử phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/6/2020, chuyển tạm giam từ ngày 26/6/2020 cho đến 07/10/2020 được thay thế biện pháp ngăn chặn. Bị cáo tại ngoại. (có mặt)

6. Lê Trung Hi, sinh năm 1994, tại tỉnh Tây Ninh. Nơi cư trú: Ấp SN, xã AC, huyện CT, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Bảo vệ; trình độ văn hóa (học vấn): 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: V Nam; con ông Lê Văn C và bà Lê Thị Thu H; vợ: Cao Thị Ngọc K và 01 người con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ ngày 20/6/2020, chuyển tạm giam ngày 26/6/2020 đến ngày 07/10/2020 được thay thế biện pháp ngăn chặn cho đến nay. (có mặt)

Các bị cáo không có kháng cáo, không bị kháng nghị nhưng có xem xét:

1. Nguyễn Quốc Vi (tên gọi khác: Bi), sinh năm 1990, tại tỉnh Tây Ninh. Nơi cư trú: Ấp XR, xã TB, huyện CT, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Không có; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: V Nam; con ông Nguyễn Văn T (chết) và bà Phạm Thị K T; vợ: Trần Thị Cẩm T (đã ly hôn); con: Có 01 người; tiền sự: Không.

Tiền án: Bản án số: 71A/HSST ngày 16/5/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh xử phạt 30 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

2. Nguyễn Thị Kiều D, sinh năm 1990, tại tỉnh Tây Ninh. Nơi cư trú: Khu phố HP, phường AH, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Làm mướn; trình độ văn hóa (học vấn): 04/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: V Nam; con ông Nguyễn Văn M và bà Ngô Thị Y; chồng: Nguyễn Văn L (đã ly hôn), con: có 01 người; tiền án, tiền sự: Không.

3. Đoàn Tấn H, sinh năm 1982, tại tỉnh Tây Ninh. Nơi cư trú: Ấp NH, xã CL, huyện DMC, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Làm mướn; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: V Nam; con ông Đoàn Văn C và bà Nguyễn Thị H; Vợ: Phan Thị H C và 02 người con; tiền án, tiền sự: Không.

4. Đặng Thị Thúy A, sinh năm 1990, tại tỉnh Tây Ninh. Nơi cư trú: Ấp NBS, xã TL, huyện CT, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa (học vấn): 04/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Phật; quốc tịch: V Nam; con ông Kiều Văn N (chết) và bà Đặng Thị Ti; chồng: Lê Văn T (bị cáo trong vụ án) và 01 người con; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Bản án số 66/2009/HSST ngày 16/7/2009 của Tòa án nhân dân

huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xử phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”.

5. Nguyễn Phi Thn, sinh năm 1971, tại tỉnh Tây Ninh. Nơi cư trú: Khu phố A, thị trấn CT, huyện CT, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa (học vấn): 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: V Nam; con ông Nguyễn Văn Th (chết) và bà Hoàng Thị Chu; vợ: Nguyễn Thị Thương Hi và 03 người con; tiền án, tiền sự: Không.

6. Lê Nguyễn Hoàng D (tên gọi khác: Bảo Em), sinh năm 1980, tại tỉnh Tây Ninh. Nơi cư trú: Khu phố A, Phường B, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa (học vấn): 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: V Nam; con ông Lê Thành T và bà Nguyễn Thị Kim H; vợ: Lê Thị Thanh Th và 01 người con; tiền án, tiền sự: Không.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 02 giờ 00 phút, ngày 20/6/2020, tại ấp TT, xã TL, huyện CT, tỉnh Tây Ninh, Công an huyện Châu Thành phối hợp với Phòng Cảnh sát Cơ động Công an tỉnh Tây Ninh bắt quả tang Lê Văn Ti và Nguyễn Quốc Vi đang tổ chức cho: Lê Trung Hi, Trần Lê Hoàng M, Trần Công T, Nguyễn Tiến D, Nguyễn Văn C, Trương Quang V, Đỗ Thị O, Nguyễn Phi Thn, Nguyễn Thị Kiều D, Nguyễn Thiện Á, Lê Nguyễn Hoàng D, Nguyễn Thanh T, Đặng Thị Thúy A, Đoàn Tấn H và một số người khác chưa xác định rõ họ, tên cùng tham gia đánh thắng thua bằng tiền. Tang vật thu giữ gồm: Tiền V Nam 182.700.000 đồng, trong đó tiền thu giữ do những người tham gia đánh bạc bỏ lại tại chiếu bạc là 153.700.000 đồng và 29.000.000 đồng trong hủ nhựa treo trên cửa nhà tại vị trí đánh bạc, dụng cụ lắc tài xỉu và một số tang vật có liên quan.

Quá trình điều tra chứng minh được: Vào khoảng 20 giờ 30 phút, ngày 19/6/2020, do biết được Lê Văn Ti là người thường xuyên tổ chức đánh bạc nên nhiều người đến quán cà phê của Tiến tại ấp Bắc Bến Sỏi, xã Thành Long, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh để tham gia đánh bạc. Tiến chọn địa điểm là nhà Nguyễn Văn Bình, sinh năm 1984 (là cháu ruột của Tiến) tại ấp Thành Tây, xã Thành Long, huyện Châu Thành tổ chức cho người khác đánh bạc bằng hình thức lắc tài xỉu thắng thua bằng tiền để thu tiền xâu từ người làm cái. Tiến quy định mỗi ca làm cái là 01 giờ đồng hồ, tiền xâu mỗi ca là 1.000.000 đồng. Khi nhà cái “bão” tức 03 mặt của 03 hột xí ngầu có điểm số giống nhau thì thu 40% tiền thắng ván đó của nhà cái. Số tiền tham gia đánh bạc mỗi lượt lắc chênh lệch giữa bên tài, xỉu là 3.000.000 đồng. Nguyễn Quốc Vi có vai trò cùng với Lê Văn Ti tổ chức, chỉ điểm, đưa đón những người tham gia đánh bạc và lấy tiền xâu bỏ vào hủ nhựa treo trên cửa nhà tại vị trí đánh bạc. Những người tham gia đánh bạc cụ thể sau:

Trần Lê Hoàng M mang theo 15.000.000 đồng, mượn thêm của Đoàn Tấn H 3.000.000 đồng. M sử dụng 13.000.000 đồng làm cái ca thứ nhất bị thua tiền rồi ngưng, sau đó tiếp tục tham gia đặt cược thì bị bắt quả tang; Đỗ Thị O sử dụng số tiền 10.000.000 đồng, làm cái ca thứ hai rồi ngưng. Sau đó, tham gia đặt cược 2.000.000 đồng không thắng thua thì bị bắt quả tang; Trần Công T mang theo số tiền 10.000.000 đồng, hùn với Nguyễn Tiến D bỏ ra 10.000.000 đồng, làm cái ca thứ ba chưa biết thắng thua thì bị bắt quả tang; Lê Trung Hi sử dụng số tiền 30.000.000 đồng, tham gia đặt cược mỗi ván từ 1.000.000 đồng đến khi bị bắt quả tang; Nguyễn Văn C sử dụng số tiền 11.000.000 đồng, tham gia đặt cược chưa xác định thắng thua thì bị bắt quả tang; Trương Quang V sử dụng số tiền 11.000.000 đồng, tham gia đặt cược đến khi bị bắt quả tang; Nguyễn Phi Thn mang theo số tiền 8.230.000 đồng, tham gia đặt cược đến khi bị bắt quả tang; Nguyễn Thị Kiều D mang theo số tiền 3.570.000 đồng, tham gia đặt cược mỗi ván 500.000 đồng, kết quả thua 3.000.000 đồng thì bị bắt quả tang; Nguyễn Thiện Â mang theo số tiền 3.160.000 đồng tham gia đánh bạc, thắng được số tiền 1.500.000 đồng thì bị bắt quả tang; Lê Nguyễn Hoàng D sử dụng số tiền 3.000.000 đồng tham gia đặt cược, thắng được 500.000 đồng thì bị bắt quả tang; Nguyễn Thanh T mang theo số tiền 2.140.000 đồng, tham gia đặt cược thua hết 2.000.000 đồng rồi ngưng, ra ngoài nằm võng đến khi bị bắt quả tang; Đặng Thị Thúy A tham gia đặt cược với số tiền 2.000.000 đồng thì bị bắt quả tang; Đoàn Tấn H sử dụng số tiền 1.600.000 đồng tham gia đặt cược thua hết thì bị bắt quả tang.

Ngoài ra, Lê Văn Ti còn sử dụng số tiền 2.000.000 đồng đưa cho vợ là Đặng Thị Thúy A cùng tham gia đặt cược đến khi bị bắt quả tang. Nguyễn Quốc Vi sử dụng số tiền 7.900.000 đồng tham gia đặt cược thì bị bắt quả tang.

Bản án hình sự sơ thẩm số: 85/2020/HS-ST ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Lê Văn Ti, Nguyễn Quốc Vi phạm tội "Tổ chức đánh bạc" và "Đánh bạc"; bị cáo Trần Lê Hoàng M, Nguyễn Phi Thn, Nguyễn Thị Kiều D, Lê Nguyễn Hoàng D, Đặng Thị Thúy A, Đoàn Tấn H, Nguyễn Thiện Â, Nguyễn Thanh T, Nguyễn Tiến D, Trần Công Tài, Nguyễn Văn C, Trương Quang V, Đỗ Thị O và Lê Trung Hi phạm tội "Đánh bạc".

1. Căn cứ Khoản 1 Điều 322; Khoản 2 Điều 321; điểm s Khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt: Lê Văn Ti 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù về tội "Tổ chức đánh bạc" và 03 (Ba) năm tù về tội "Đánh bạc".

Căn cứ Điều 55 Bộ luật hình sự: Bị cáo Tiến phải chấp hành hình phạt của cả hai tội là 04 (Bốn) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 20-6-2020.

2. Căn cứ Khoản 1 Điều 322; Khoản 2 Điều 321; điểm s Khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt Nguyễn Quốc Vi

01 (Một) năm tù “Tổ chức đánh bạc” và 03 (Ba) năm tù về tội “Đánh bạc”.

Căn cứ Điều 55 Bộ luật hình sự: Bị cáo V phải chấp hành hình phạt của cả hai tội là 04 (Bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 20-6-2020.

3. Căn cứ Khoản 2 Điều 321; điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo: Trần Lê Hoàng M 03 (Ba) năm tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 năm tính từ ngày tuyên án.

4. Căn cứ Khoản 2 Điều 321; điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo: Nguyễn Phi Thn 03 (Ba) năm tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 năm tính từ ngày tuyên án.

Trả tự do cho bị cáo Thoàn tại phiên tòa nếu không bị tạm giam về một tội phạm khác.

5. Căn cứ Khoản 2 Điều 321; điểm s Khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo: Nguyễn Thị Kiều D 03 (Ba) năm tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 năm tính từ ngày tuyên án.

6. Căn cứ Khoản 2 Điều 321; điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo: Lê Nguyễn Hoàng D 03 (Ba) năm tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 năm tính từ ngày tuyên án.

7. Căn cứ Khoản 2 Điều 321; điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo: Đặng Thị Thúy A 03 (Ba) năm tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 năm tính từ ngày tuyên án.

8. Căn cứ Khoản 2 Điều 321; điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo: Đoàn Tấn H 03 (Ba) năm tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 năm tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Trần Lê Hoàng M và Đoàn Tấn H về UBND xã Chà Là, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh; Nguyễn Phi Thn về UBND thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh; Nguyễn Thị Kiều D về UBND phường An Hòa, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; Lê Nguyễn Hoàng D về UBND Phường 2, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh; Đặng Thị Thúy A về UBND xã Thành Long, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh là nơi cư trú của các bị cáo để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được cho hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án cho hưởng án treo.

9. Căn cứ Khoản 2 Điều 321; điểm s Khoản 1, 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 54 và Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T 01 (Một)

năm 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án nhưng được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/6/2020 đến 29/9/2020.

10. Căn cứ Khoản 2 Điều 321; điểm s Khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 54; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thiện Á 01 (Một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án nhưng được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/6/2020 đến 05/10/2020.

11. Căn cứ Khoản 1 Điều 322; điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 54; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Đỗ Thị O 09 (Chín) tháng tù.

Căn cứ Điều 56 Bộ luật hình sự: Tổng hợp với hình phạt 06 (Sáu) tháng tù của Bản án số 62/2020/HSST ngày 22/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh (trong bản án này bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam). Buộc bị cáo O phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 20/6/2020.

12. Căn cứ Khoản 2 Điều 321; điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 54; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt: Bị cáo Trần Công Tài 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 20/6/2020.

13. Căn cứ Khoản 2 Điều 321; điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 54 và Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt: Bị cáo Nguyễn Tiến D 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án nhưng được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ 20/6/2020 đến 07/10/2020.

14. Căn cứ Khoản 2 Điều 321; điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 54; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn C 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án nhưng được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ 20/6/2020 đến 29/9/2020.

15. Căn cứ Khoản 2 Điều 321; điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 54; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt: Bị cáo Trương Quang V 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án nhưng được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ 20/6/2020 đến 21/9/2020.

16. Căn cứ Khoản 2 Điều 321; điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 54; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt: Bị cáo Lê Trung Hi 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án nhưng được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ 20/6/2020 đến 07/10/2020.

Bản án còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 04/12/2020, Lê Văn Ti kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 07/12/2020, Nguyễn Thanh T, Lê Trung Hi kháng cáo xin giảm nhẹ hình

phạt.

Ngày 08/12/2020, Nguyễn Văn C, Nguyễn Tiến D kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 09/12/2020, Nguyễn Thiện Â kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Các bị cáo giữ nguyên kháng cáo.

+ Kiểm sát viên đề nghị: Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lê Văn Ti, Nguyễn Thanh T, Lê Trung Hi, Nguyễn Văn C, Nguyễn Thiện Â; chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Tiến D, sửa bản án sơ thẩm, đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến D từ 03 đến 06 tháng tù.

+ Lời nói sau cùng của các bị cáo:

Lê Văn Ti: Do bị cáo không am hiểu pháp luật, trong thời gian giam giữ đã nhận ra sai trái, rất ăn năn, hiện có mẹ già, con nhỏ nên xin giảm án.

Nguyễn Thanh T: Xin khoan hồng để lo cho con nhỏ.

Lê Trung Hi: Xin giảm nhẹ để sớm về lo cho gia đình.

Nguyễn Văn C: Xin giảm nhẹ để sớm về lo cho gia đình.

Nguyễn Tiến D: Bị cáo là lao động chính xin giảm án.

Nguyễn Thiện Â: Xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm:

Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lê Văn Ti, Nguyễn Thanh T, Lê Trung Hi, Nguyễn Văn C, Nguyễn Thiện Â; chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Tiến D, sửa bản án sơ thẩm, đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến D từ 03 đến 06 tháng tù.

Các bị cáo giữ nguyên kháng cáo, không cung cấp tình tiết giảm nhẹ mới.

[2] Về nội dung vụ án:

Vào khoảng 20 giờ 30 phút ngày 19/6/2020 đến lúc 02 giờ sáng ngày 20/6/2020, tại nhà anh Nguyễn Văn Bình thuộc ấp Thành Tây, xã Thành Long, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh, Lê Văn Ti và Nguyễn Quốc Vi tổ chức cho Lê Trung Hi, Trần Lê Hoàng M, Trần Công T, Nguyễn Tiến D, Nguyễn Văn C, Trương Quang V, Đỗ Thị O, Nguyễn Phi Thn, Nguyễn Thị Kiều D, Nguyễn Thiện Â, Lê Nguyễn Hoàng D, Đặng Thị Thúy A, Nguyễn Thanh T, Đoàn Tấn H cùng tham gia đánh bạc bằng hình

thức lắc tài xỉu thắng thua bằng tiền. Tiền và V quy định mỗi ca lắc là một giờ thì người làm cái phải đưa tiền xâu cho Tiền và V là 1.000.000 đồng, nếu cái bão thì phải chia cho Tiền và V 40% số tiền thắng.

Ca thứ nhất do bị cáo Trần Lê Hoàng M làm cái lắc cho các bị cáo khác tham gia đánh bạc.

Ca thứ hai do bị cáo Đỗ Thị O làm cái lắc cho các bị cáo khác tham gia đánh bạc.

Ca thứ ba do bị cáo Trần Công T và Nguyễn Tiến D cùng làm cái lắc cho các bị cáo khác tham gia đánh bạc.

Tổng số tiền thu tại chiếu bạc là 182.700.000 đồng. Quá trình điều tra, 16 bị cáo khai báo chỉ mang theo số tiền tổng cộng là 131.600.000 đồng để tham gia đánh bạc.

Ngoài ra, bị cáo Lê Văn Ti còn đưa cho vợ là Đặng Thị Thúy A số tiền 2.000.000 đồng tham gia đánh bạc. Bị cáo Nguyễn Quốc Vi còn sử dụng số tiền 7.900.000 đồng tham gia đánh bạc.

Do đó, Hành vi bị cáo Lê Văn Ti, Nguyễn Quốc Vi phạm tội "Tổ chức đánh bạc" theo quy định tại điểm a, c khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự và tội "Đánh bạc" quy định tại điểm b khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo Trần Lê Hoàng M, Đỗ Thị Oanh, Trần Công Tài, Nguyễn Tiến D, Lê Trung Hi, Nguyễn Văn C, Trương Quang V, Nguyễn Phi Thn, Nguyễn Thị Kiều D, Nguyễn Thiện A, Lê Nguyễn Hoàng D, Nguyễn Thanh T, Đặng Thị Thúy A, Đoàn Tấn H phạm tội "Đánh bạc" quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Hành vi nêu trên của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự nếp sống văn minh của xã hội, vì cờ bạc nói chung là một tệ nạn xã hội, dẫn đến nhiều hành vi trái pháp luật khác phát sinh nên cần có hình phạt tương xứng với hành vi mỗi bị cáo đã thực hiện để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[3] Xét vai trò, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo:

Bị cáo Lê Văn Ti cùng với Nguyễn Quốc Vi tổ chức cho các con bạc tham gia đánh bạc để thu tiền xâu từ người làm cái. Ngoài ra, Lê Văn Ti còn sử dụng số tiền 2.000.000 đồng đưa cho vợ là Đặng Thị Thúy A cùng tham gia đánh bạc.

Bị cáo Nguyễn Quốc Vi có vai trò giúp sức cùng với Lê Văn Ti tổ chức, chỉ điểm, đưa đón những người tham gia đánh bạc để thu tiền xâu. Ngoài ra, Nguyễn Quốc Vi còn sử dụng số tiền 7.900.000 đồng trực tiếp tham gia đánh bạc.

Những người tham gia đánh bạc như sau:

Trần Lê Hoàng M mang theo 15.000.000 đồng, mượn thêm của Đoàn Tấn H 3.000.000 đồng. M sử dụng 13.000.000 đồng làm cái (còn gọi là làm chủ bạc) ca thứ nhất bị thua tiền rồi ngưng, sau đó tiếp tục tham gia đặt cược.

Đỗ Thị O sử dụng số tiền 10.000.000 đồng, làm cái (làm chủ bạc) ca thứ hai rồi ngưng, sau đó tham gia đặt cược.

Trần Công T mang theo số tiền 10.000.000 đồng, hùn với Nguyễn Tiến D bỏ ra 10.000.000 đồng, làm cái (làm chủ bạc) ca thứ ba chưa biết thắng thua thì bị bắt quả tang.

Các bị cáo khác là người tham gia đánh bạc (còn gọi là con bạc) đã sử dụng số tiền để đánh bạc như sau: Lê Trung Hi sử dụng số tiền 30.000.000 đồng; Nguyễn Văn C sử dụng số tiền 11.000.000 đồng; Trương Quang V sử dụng số tiền 11.000.000 đồng; Nguyễn Phi Thn sử dụng số tiền 8.230.000 đồng; Nguyễn Thị Kiều D sử dụng số tiền 3.570.000 đồng; Nguyễn Thiện Â sử dụng số tiền 3.160.000 đồng; Lê Nguyễn Hoàng D sử dụng số tiền 3.000.000 đồng; Nguyễn Thanh T mang theo số tiền 2.140.000 đồng, tham gia đặt cược thua hết 2.000.000 đồng rồi ngưng, ra ngoài nằm võng đến khi bị bắt quả tang; Đặng Thị Thúy A sử dụng số tiền 2.000.000 đồng; Đoàn Tấn H sử dụng số tiền 1.600.000 đồng.

Khi quyết định hình phạt, cấp sơ thẩm có xem xét các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự và nhân thân của từng bị cáo.

[4] Xét kháng cáo của các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt, thấy rằng:

Khi xác định trách nhiệm hình sự và mức hình phạt của các bị cáo thì căn cứ vào tổng số tiền dùng vào việc đánh bạc để xem xét trách nhiệm hình sự. Số tiền mỗi bị cáo dùng vào việc đánh bạc là một trong những căn cứ để Tòa án xem xét, đánh giá tính chất và mức độ nguy hiểm của tội phạm khi quyết định hình phạt đối với mỗi bị cáo; đối với trường hợp con bạc đánh với chủ bạc trong vụ án này thì việc xác định khung khoản và hình phạt phải căn cứ vào số tiền từng bị cáo dùng vào việc đánh bạc.

- Bị cáo Nguyễn Tiến D hùn 10.000.000 đồng cùng với Trần Công Tài làm cái ca thứ ba đến khi bị bắt, với vai trò làm cái là "chủ bạc", sử dụng chung 20.000.000 đồng để đánh bạc, cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 09 tháng tù là nhẹ; bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không có tình tiết giảm nhẹ mới nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị cáo Lê Trung Hi sử dụng số tiền 30.000.000 đồng để đánh bạc, là số tiền cá nhân mang theo đánh bạc cao nhất trong vụ án, cấp sơ thẩm xử phạt 09 tháng tù là nhẹ. Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không có tình tiết giảm nhẹ mới nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Thiện Â sử dụng số tiền 3.160.000 đồng đánh bạc nhưng nhân thân không tốt, có tiền án, tiền sự, cấp sơ thẩm xử phạt 01 năm tù là tương xứng. Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không có tình tiết giảm nhẹ mới nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị cáo Lê Văn Ti không trực tiếp cá cược, có đưa số tiền 2.000.000 đồng cho vợ là Đặng Thị Thúy A trực tiếp cá cược nên phạm tội "Đánh bạc" với vai trò đồng phạm

giúp sức cho An, cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 03 năm tù là quá nghiêm khắc, không tương xứng với các bị cáo tham gia đánh bạc khác trong vụ án, nên cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo, giảm một phần hình phạt cho bị cáo về tội "Đánh bạc"; đối với tội "Tổ chức đánh bạc" cấp sơ thẩm xử phạt 01 năm 03 tháng tù là có phần nhẹ, bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ mới nên cấp phúc thẩm giữ nguyên mức hình phạt của bản án sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Thanh T sử dụng số tiền 2.000.000 đồng tham gia đánh bạc, thua hết tiền nên đã nghỉ đánh bạc, ra nằm võng trước khi bị bắt quả tang; cấp sơ thẩm xử phạt 01 năm 03 tháng tù là có phần nghiêm khắc so với các bị cáo trong vụ án nên cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giảm một phần hình phạt.

Bị cáo Nguyễn Văn C sử dụng số tiền 11.000.000 đồng tham gia đánh bạc (con bạc), không có tiền án, tiền sự, cấp sơ thẩm xử phạt 09 tháng tù. Trong vụ án, bị cáo Nguyễn Tiến D mang theo 10.000.000 đồng hùn vốn với Tài làm cái (chủ bạc) bị xử phạt bị cáo Đỗ Thị O có tham gia làm cái ca thứ hai (chủ bạc), sử dụng số tiền 10.000.000 đồng tham gia đánh bạc nhưng bị xử phạt 06 tháng tù. Do đó, cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn C, giảm một phần hình phạt.

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm có xem xét mức hình phạt đối với các bị cáo khác không có kháng cáo, kháng nghị như sau:

Bị cáo Nguyễn Quốc Vi phạm tội "Đánh bạc" do sử dụng số tiền 7.900.000 đồng đặc cược, cấp sơ thẩm xử phạt 03 năm tù là quá nghiêm khắc so với các bị cáo khác nên cấp phúc thẩm giảm một phần hình phạt cho bị cáo V về tội "Đánh bạc".

Các bị cáo Nguyễn Thị Kiều D sử dụng số tiền 3.570.000 đồng; bị cáo Đoàn Tấn H sử dụng số tiền 1.600.000 đồng; bị cáo Đặng Thị Thúy A sử dụng số tiền 2.000.000 đồng; bị cáo Lê Nguyễn Hoàng D sử dụng số tiền 3.000.000 đồng; bị cáo Nguyễn Phi Thn sử dụng số tiền 8.230.000 đồng tham gia đánh bạc nhưng cấp sơ thẩm xử phạt mỗi bị cáo 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo là quá nặng so với các bị cáo khác trong vụ án. Cấp sơ thẩm có nhận thức sai lầm là áp dụng tình tiết giảm nhẹ để cho hưởng án treo thì không được áp dụng tình tiết giảm nhẹ đó để quyết định mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt nên không phân hóa trách nhiệm hình sự khi quyết định hình phạt.

Theo Điều 1 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/05/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo: *“Án treo là biện pháp miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện, được Tòa án áp dụng đối với người phạm tội bị phạt tù không quá 03 năm, căn cứ vào nhân thân của người phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ, xét thấy không cần bắt họ phải chấp hành hình phạt tù”*.

Do đó, cấp phúc thẩm có xem xét giảm một phần mức án phạt tù đối với các bị cáo được hưởng án treo.

Riêng bị cáo Trần Lê Hoàng M sử dụng số tiền 18.000.000 đồng vừa làm cái (chủ bạc) ca thứ nhất, vừa tham gia đặc cược nên cấp phúc thẩm không có xem xét.

[6] Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Thiện Â, Nguyễn Tiến D, Lê Trung Hi, mỗi bị cáo chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Bị cáo khác không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thiện Â, Nguyễn Tiến D, Lê Trung Hi, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 85/2020/HS-ST ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh về phần quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

1.1. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s Khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 54; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; phạt bị cáo Nguyễn Thiện Â 01 (Một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/6/2020 đến ngày 05/10/2020.

1.2. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự; phạt bị cáo Nguyễn Tiến D 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ 20/6/2020 đến 07/10/2020.

1.3. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 54; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật hình sự; phạt bị cáo Lê Trung Hi 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ 20/6/2020 đến 07/10/2020.

2. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 85/2020/HS-ST ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Toà án nhân dân huyện Châu Thành về phần quyết định hình phạt đối với bị cáo Lê Văn Ti, Nguyễn Quốc Vi, Nguyễn Thanh T, Nguyễn Văn C, Nguyễn Thị Kiều D, Đoàn Tấn H, Đặng Thị Thúy A, Nguyễn Phi Thn, Lê Nguyễn Hoàng D.

2.1. Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 322; điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự; phạt bị cáo Lê Văn Ti 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc” và 01 (một) năm tù về tội “Đánh bạc”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt, bị cáo Lê Văn Ti phải chấp hành hình phạt chung là 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 20/6/2020.

2.2. Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 322; điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 54 và Điều 38 Bộ luật Hình sự; phạt bị cáo Nguyễn Quốc Vi 01 (một) năm tù về tội “Tổ chức đánh bạc” và 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt, bị cáo Nguyễn Quốc Vi phải chấp hành hình phạt chung là 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 20/6/2020.

2.3. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự; phạt bị cáo Nguyễn Thanh T 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/6/2020 đến 29/9/2020.

2.4. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 54; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự; phạt bị cáo Nguyễn Văn C 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ 20/6/2020 đến 29/9/2020.

2.5. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 54; Điều 65 Bộ luật Hình sự; phạt bị cáo Nguyễn Phi Thn 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 27/11/2020.

2.6. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s Khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58; Điều 54; Điều 65 Bộ luật Hình sự; phạt bị cáo Nguyễn Thị Kiều D 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 27/11/2020.

2.7. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 54; Điều 65 Bộ luật Hình sự; phạt bị cáo Lê Nguyễn Hoàng D 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 27/11/2020.

2.8. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 54; Điều 65 Bộ luật Hình sự; phạt bị cáo Đặng Thị Thúy A 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 27/11/2020.

2.9. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 54; Điều 65 Bộ luật Hình sự; phạt bị cáo Đoàn Tấn H 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 27/11/2020.

Giao bị cáo Đoàn Tấn H về UBND xã Chà Là, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh; Nguyễn Phi Thn về UBND thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh; Nguyễn Thị Kiều D về UBND phường An Hòa, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; Lê Nguyễn Hoàng D về UBND Phường 2, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh;

Đặng Thị Thúy A về UBND xã Thành Long, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh là nơi cư trú của các bị cáo để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được cho hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án cho hưởng án treo.

3. Về án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Các bị cáo Nguyễn Thiện Ân, Nguyễn Tiến D, Lê Trung Hi, mỗi bị cáo chịu 200.000 đồng.

Các bị cáo khác không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT 1. TANDTC. tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND huyện ;
- Công an huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Phòng PV 06 Công an tỉnh;
- Phòng lý lịch Sở Tư pháp tỉnh;
- Phòng KTNV. TAND tỉnh;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án HSPT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Tông